

MỘT SỐ GỢI MỞ MANG TÍNH LÝ LUẬN RÚT RA TỪ KINH NGHIỆM BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH DỊCH CỦA TRUNG QUỐC

TRẦN ĐỨC THẮNG*, QUÁCH VĂN ĐẪU**

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ ducthangtran.phd@gmail.com

**Học viện Khoa học Quân sự, ✉ guoyudou@gmail.com

Ngày nhận bài: 24/6/2024; ngày sửa chữa: 31/7/2024; ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Trên cơ sở khảo sát một số giáo trình dịch và thực trạng biên soạn giáo trình dịch của Trung Quốc, bài viết rút ra một số vấn đề mang tính gợi mở về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn đối với việc biên soạn giáo trình dịch, đó là cần lưu ý giải quyết tốt 05 mối quan hệ sau đây: Mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành; Mối quan hệ giữa giáo trình dịch thông dụng và giáo trình dịch chuyên ngành; Mối quan hệ giữa ví dụ dịch và ngữ cảnh; Mối quan hệ giữa dịch quy phạm và dịch miêu tả; Mối quan hệ giữa Dạy và Học. Qua đó, hy vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả biên soạn giáo trình biên phiên dịch tại Việt Nam nói chung và Học viện Khoa học Quân sự nói riêng.

Từ khóa: giáo trình dịch, biên soạn, lý luận và thực tiễn, gợi mở

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ đầu thế kỷ XXI trở lại đây, nhất là kể từ khi Bộ Giáo dục Trung Quốc phê duyệt đề án thành lập chuyên ngành dịch thuật bậc đại học (BTI) tương ứng với các bậc cao học (MTI) và tiến sĩ (DTI), ở Trung Quốc đã xuất hiện rất nhiều giáo trình dịch các loại. Nếu đem so với giáo trình dịch được biên soạn theo cách tiếp cận truyền thống thì việc biên soạn giáo trình dịch theo cách tiếp cận hiện đại đã có nhiều thay đổi. Bài viết bước đầu khảo sát và chỉ ra những thành tựu chính, qua đó hy vọng sẽ cung cấp một số gợi mở về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn hữu ích cho việc biên soạn giáo trình dịch ở Việt Nam.

2. NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH DỊCH

Một trong những cuốn giáo trình đi đầu xu hướng đổi mới việc biên soạn giáo trình dịch ở Trung Quốc là cuốn 《英汉互译教程》(Giáo trình dịch song ngữ Trung-Anh) của soạn giả 杨莉寨 (Dương Lợi Trại). Cuốn này đã khám phá các khía cạnh chính liên quan đến lý thuyết dịch đương đại, như các tiêu chuẩn dịch, ứng dụng đối sánh ngôn ngữ - văn hóa trong dịch thuật, vận dụng các đơn vị dịch, các nguyên tắc cơ bản của dịch thuật, kỹ thuật dịch và phê bình dịch thuật..., nội dung liên quan đến ngữ học, dụng học, nghĩa

học, ký hiệu học, nghiên cứu văn hóa và văn học - nghệ thuật, mỹ học, tu từ học và nhiều ngành học khác. Cuốn 《英汉翻译综合教程》 của 王宏印 (Vương Hoành Ân) đã tiếp thu những thành tựu mới của ngôn ngữ học hiện đại, tâm lý học, văn học và nghệ thuật, lý thuyết truyền thông, lý thuyết dịch ... để đưa ra những kiến giải của tác giả về các hiện tượng phổ biến trong hoạt động thực tiễn và giảng dạy dịch thuật, từ đó luận bàn những vấn đề cơ bản của dịch thuật từ góc độ khá mới mẻ với xuất phát điểm tương đối cao. Phần lý thuyết dịch của cuốn này tập trung vào mối quan hệ giữa dịch thuật và sáng tác, đối chiếu ngôn ngữ, sự thống nhất giữa đọc hiểu (bản gốc) và diễn đạt (bản dịch), nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân chia văn bản (thành từng đoạn...), tính nhất quán giữa phương pháp và hiệu quả, tính chủ quan trong hoạt động của người dịch cũng như bản chất nội dung của văn bản, nhằm làm cho lý thuyết dịch có sức mạnh khái quát/bao trùm, sức mạnh miêu tả và sức mạnh giải thích. Cuốn 《新编英汉翻译教程》 (Giáo trình dịch Anh-Hán tân biên) của 孙致礼 (Tôn Chí Lễ) không chỉ nêu khái quát các ý tưởng dịch thuật truyền thống của Trung Quốc và các nước, mà còn đề cập đến các trường phái lý thuyết dịch xuất hiện trong giới lý luận dịch thuật phương tây vào nửa sau thế kỷ XX như: lý thuyết tương đương của Jacobson, Catford và Fedorov; lý thuyết tương đương động (tương đương về chức năng) của Nida, lý thuyết đa hệ thống của Zohar, lý thuyết dịch miêu tả của Toury, lý thuyết ba yếu tố của Lefevre, chức năng luận của Vermeer và các trường phái lý thuyết khác, như: giải cấu trúc luận, hậu cấu trúc luận, thuyết hậu thuộc địa, thuyết nữ quyền ... Tác giả cuốn giáo trình nói trên đã chỉ ra rằng: “Sự ra đời của các lý thuyết dịch thuật phương tây đã mở rộng tầm nhìn của các nhà lý luận dịch thuật Trung Quốc và đưa nghiên cứu dịch thuật của Trung Quốc lên một tầm cao mới” (孙致礼, 2003). Tác giả cũng gửi lời nhắn nhủ tới các sinh viên rằng: “Đối với một bộ phận lý thuyết dịch thuật của phương tây thì cần phải tiếp thu một cách có chọn lọc và phê phán”.

Tính đa dạng trong cách tiếp cận và phương pháp biên soạn giáo trình dịch thể hiện ở trọng

tâm hay định hướng của các giáo trình dịch nhìn chung không giống nhau, bao gồm: giảng dạy kỹ năng dịch, so sánh đối chiếu ngôn ngữ, phân chia theo chủ đề/chủ đề, phân tích so sánh các bản dịch khác nhau, phân chia theo kiểu loại văn bản, tập trung vào phân tích văn bản... Ngoài ra, còn có các giáo trình dịch chuyên ngành như: giáo trình dịch ngành luật, giáo trình dịch khoa học - công nghệ,... Phương pháp biên soạn giáo trình theo đó cũng trở nên phong phú đa dạng hơn, như: giảng giải lý thuyết, phân tích ví dụ, nhận diện đúng sai, bình phẩm bản dịch hay, phân tích văn bản, thảo luận chuyên đề, dịch trước khi đến lớp và trải nghiệm đọc so sánh... Tiêu biểu phải kể đến hai cuốn: 《英汉互译教程》 (Giáo trình dịch song ngữ Anh-Trung) và 《英汉笔译全译实践教程》 (Giáo trình thực hành dịch viết toàn văn Anh-Trung). Trong đó, cuốn đầu được công nhận là có sự kết hợp hoàn hảo giữa lý thuyết và thực hành theo nhiều phong cách khác nhau. Cuốn sau được soạn theo các chủ đề “dịch mô phỏng” và bàn về kỹ thuật dịch tương ứng với từng chủ đề. Đường hướng giảng dạy trong phương pháp biên soạn của cuốn này là: thực hành trước khi lên lớp (dịch trước), giảng giải lý thuyết (kiến thức cơ bản về dịch toàn văn, mẹo dịch), kiến thức dịch (bảng từ thường dùng), trải nghiệm đọc so sánh và bài tập sau giờ học. Sự đa dạng trong thể lệ biên soạn của giáo trình đã làm phong phú thêm nội dung dạy dịch. Có thể nói rằng, việc đa dạng hóa tài liệu giảng dạy là minh chứng cho sự phát triển nở rộ của tài liệu dạy dịch, đồng thời cũng là dấu hiệu cho thấy sự trưởng thành của ngành dịch thuật nói chung và dạy học dịch thuật nói riêng.

3. BƯỚC CHUYỂN MÌNH VỀ CƠ SỞ LÝ LUẬN TRONG BIÊN SOẠN GIÁO TRÌNH DỊCH

Giáo trình dịch truyền thống chỉ đưa ra quy định/quy phạm phải dịch như thế nào chứ không giải thích tại sao phải dịch như vậy. Nói cách khác, nó thiên về việc đem cho người ta con cá hơn là dạy người ta biết cách câu cá. Còn giáo trình dịch hiện đại sẽ giải thích các hiện tượng dịch thuật từ nhiều góc cạnh khác nhau. Nhất là đối với các ví dụ dịch,

nó không chỉ cung cấp bản dịch (dịch đúng hoặc dịch sai), mà còn giải thích ngữ cảnh và giải thuyết thêm cho các ví dụ dịch. Chẳng hạn như cuốn 《汉英翻译基础》(Dịch Trung-Anh căn bản) của 陈宏薇 (Trần Hoàn Vi) đã giải thuyết hầu hết các ví dụ dịch. Hay như cuốn 《新编英汉翻译教程》(Giáo trình dịch Trung-Anh tân biên) vừa mới nêu ở trên đã liệt kê ra nhiều ví dụ dịch sai và chỉ ra chỗ sai của các cách dịch đó. Có thể khẳng định rằng, giáo trình dịch hiện đại đã có nhiều cải tiến so với giáo trình dịch truyền thống, nhưng để việc biên soạn giáo trình được khoa học và hợp lý hơn, thiết nghĩ, chúng ta cần phải giải quyết tốt các mối quan hệ dưới đây.

3.1. Mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành

Mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành liên quan đến ba vấn đề sau đây: thứ nhất, loại kiến thức lý thuyết nào nên được đưa vào trong giáo trình dịch; thứ hai, tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành là bao nhiêu; thứ ba, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành như thế nào? Chẳng hạn với vấn đề thứ nhất, các học giả khác nhau có quan điểm khác nhau về những kiến thức lý thuyết nào cần được cân nhắc đưa vào giáo trình dịch. 韩子满 (Hàn Tử Mãn) cho rằng không cần đưa quá nhiều lý thuyết dịch vào giáo trình ở bậc đại học, chỉ cần giới thiệu ngắn gọn một số kiến thức lịch sử dịch thuật và một số thuật ngữ dịch thuật thường dùng là đủ. Theo 黄忠廉 (Hoàng Trung Liêm) thì tài liệu giảng dạy cho chuyên ngành dịch thuật không chỉ bao gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản mà còn phải có các giáo trình lý thuyết dịch thuật chuyên dụng. Học giả 林克难 (Lâm Khắc Nan) cho rằng, lý luận dịch thuật bao gồm “dịch luận, dịch sử và dịch văn” (lý thuyết dịch, lịch sử dịch thuật và các tác phẩm dịch/các vấn đề trong bản dịch). Cũng theo học giả này, “việc giảng dạy kỹ thuật dịch không đồng nghĩa với toàn bộ, càng không phải nội dung duy nhất của hoạt động dạy dịch, các khóa/môn học dịch thuật nên dành ít nhất 50% thời gian cho mảng lý thuyết dịch thuật khoa học, bởi vì chỉ có lý thuyết dịch thuật khoa học mới có thể làm phát lộ ra cái bản chất nhất của dịch thuật, từ đó đóng vai trò dẫn dắt chỉ đạo thực tiễn dịch thuật từ góc độ vĩ

mô” (林克难, 1996). Học giả 刘法公 (Luu Pháp Công) cho rằng, lý thuyết dịch chủ yếu giới thiệu các quan điểm chính trong và ngoài nước. Học giả 杨自俭 (Dương Tự Kiệm) lại cho rằng, nội dung của lý thuyết dịch chủ yếu tập trung vào khái niệm, bản chất, tiêu chuẩn, quy trình, phương pháp, phân loại và đánh giá bản dịch; điều kiện dịch thuật và quy trình đào tạo; những điểm tương đồng và khác biệt chính giữa văn hóa và phong cách ngôn ngữ; khái niệm khoa học và thực trạng xây dựng ngành nghiên cứu dịch thuật; lược sử phát triển ngành dịch thuật ... (杨自俭, 2006). Peter Newmark thì cho rằng, về kiến thức dịch thuật, chủ yếu bao gồm “phương pháp dịch” và “kiến thức dịch cơ bản” (nguyên lý chung của dịch thuật, quá trình dịch, các vấn đề của dịch thuật và những yếu tố có liên quan như ngôn ngữ, ngữ dụng, văn hóa ...) (Peter Newmark, 1988). Francesca Bartrina (2013) cho rằng, nội dung giảng dạy lý thuyết nên bao gồm các khái niệm lý thuyết cơ bản đằng sau việc thực hành biên - phiên dịch, nghĩa là, các quan điểm ngôn ngữ học về dịch thuật, quá trình tâm lý và hành vi trong thông dịch và coi dịch thuật như cơ sở lý luận của các hoạt động xã hội - văn hóa - tư tưởng. Theo học giả này, nội dung giảng dạy lý thuyết dịch thuật nên bao gồm: (1) Dịch thuật là gì; (2) Các khái niệm nghiên cứu dịch thuật; (3) Tính văn bản và dịch thuật; (4) Dịch thuật như một quá trình nhận thức (Martha Tennent, 2010). Do giới học thuật hiện nay chưa đạt được sự đồng thuận về nội dung của lý thuyết dịch, nên trên thực tế các giáo trình dịch khác nhau thường vận dụng các kiến thức lý thuyết dịch không hoàn toàn giống nhau.

3.2. Mối quan hệ giữa giáo trình dịch tổng hợp và giáo trình dịch chuyên ngành

Giáo trình dịch tổng hợp hay thông dụng là loại giáo trình nhập môn hoặc dẫn luận về dịch thuật, bao gồm giáo trình dịch viết và giáo trình dịch nói. Giáo trình dịch chuyên ngành là các giáo trình dịch được biên soạn theo chức năng ngôn ngữ hoặc chức năng dịch thuật, bao gồm: giáo trình dịch pháp luật, giáo trình dịch khoa học-công nghệ, giáo trình dịch kinh tế-thương mại ... và các giáo trình dịch chuyên đề như: giáo trình

dịch văn hóa, giáo trình dịch văn học, giáo trình dịch các thể loại văn bản thường dùng ... Phần lớn các giáo trình được sử dụng ở các khoa ngoại ngữ tại các trường đại học chuyên ngữ ở Trung Quốc đều là giáo trình dịch tổng hợp, các giáo trình dịch chuyên ngành hiếm khi được sử dụng vì số giờ học hạn chế, ngoại trừ khoa ngoại ngữ của các trường vốn không phải chuyên ngữ mà chuyên sâu về các ngành khác như kỹ thuật, tài chính, ngân hàng ... Do đó, nếu biên soạn giáo trình dịch tổng hợp cho đối tượng học chuyên ngành ngoại ngữ ở bậc đại học thì nên tập trung làm nổi bật “tính tổng hợp” của giáo trình. Tính tổng hợp ở đây muốn nói đến tính phổ quát của kiến thức lý thuyết dịch và tính đa dạng về chủ đề/chủ điểm/lĩnh vực và thể loại văn bản cũng như phong cách ngôn ngữ mà các bài học đề cập.

3.3. Mối quan hệ giữa ví dụ dịch và ngữ cảnh

Ví dụ/câu văn dịch chiếm một vị trí rất quan trọng trong giáo trình dịch, vì chúng có vai trò “thị phạm”. Nói cách khác, các ví dụ chính là “hiện thân” của sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Với mỗi ví dụ được trích dịch cần phải được cung cấp một ngữ cảnh tương ứng. Xét ở một góc độ nào đó, chỉ có ngữ cảnh mới đủ tư cách đánh giá một bản dịch có chính xác hay không. Bởi vì, một từ biệt lập thường có nghĩa khác đi khi nó được kết hợp với các từ hoặc cụm từ khác để tạo thành một “chính thể ngữ nghĩa” (mà theo tâm lý học Gestalt thì “tổng thể luôn luôn lớn hơn phép cộng cơ học của các số hạng.”

Vì ngữ cảnh đóng vai trò quan trọng trong quá trình dịch, nên mức độ nhận diện và vận dụng ngữ cảnh là thông số quan trọng để đánh giá năng lực dịch thuật. Giáo trình dịch cần giúp người học dần dần nắm vững và vận dụng các quy tắc ngữ cảnh dịch thuật ở các giai đoạn học dịch khác nhau, từ đó hình thành nên năng lực dịch nhạy với ngữ cảnh của người học. Các quy tắc dịch theo ngữ cảnh như cơ chế thúc đẩy ngữ cảnh ngôn ngữ, cơ chế tái hiện ngữ cảnh tình huống và cơ chế đối thoại ngữ cảnh văn hóa nên được áp dụng trong giảng dạy dịch thuật nhằm thúc đẩy việc trau dồi năng lực

dịch cơ bản, năng lực chuyên ngành và khả năng dịch thuật tổng hợp của người học. Theo đó, ngữ cảnh ngôn ngữ sẽ giúp giải quyết các vấn đề về vận dụng và biến đổi song ngữ, làm cho bản dịch trở nên chính xác và chuẩn hóa về mặt ngữ pháp, từ đó đạt được năng lực dịch thuật cơ bản; ngữ cảnh tình huống sẽ giúp giải quyết bài toán nhận dạng và biến đổi diễn ngôn song ngữ, làm cho bản dịch phù hợp và chuẩn hóa diễn ngôn, từ đó đạt được năng lực dịch thuật chuyên nghiệp; ngữ cảnh văn hóa sẽ giúp giải quyết vấn đề so sánh và biến đổi văn hóa song ngữ, làm cho bản dịch có khả năng thích ứng về mặt văn hóa (giao tiếp liên văn hóa), từ đó đạt được năng lực dịch thuật toàn diện.

3.4. Mối quan hệ giữa quy phạm và miêu tả

Dịch thuật quy phạm (规定翻译研究 – “kê toa bốc thuốc”) và dịch thuật miêu tả (描写翻译研究 – “có sao nói vậy”) là hai cách tiếp cận trong nghiên cứu dịch thuật. Theo đó, dịch thuật học quy phạm nghiên cứu dịch thuật từ góc độ vi mô, coi dịch thuật như một nghệ thuật ngôn ngữ thuần túy. Cách tiếp cận này tập trung vào bản thân “lời nói”, hướng trọng tâm vào văn bản gốc, khám phá quy luật chuyển đổi ngôn ngữ thông qua so sánh đối chiếu văn bản và đánh giá chất lượng của bản dịch theo các tiêu chí/tiêu chuẩn đánh giá nhất định và lấy việc đánh giá này làm “kim chỉ nam” để dẫn dắt thực tiễn dịch thuật. Đặc điểm nổi bật của nó là “Đặt ra bộ quy tắc để tất cả các dịch giả (không phân biệt thời gian, tính chất công việc và môi trường/bối cảnh nhận thức của dịch giả và độc giả) đều phải tuân thủ và thực hiện chúng trong hoạt động dịch thuật của họ. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, đều được xem như không trung thành với nguyên tác hoặc rườm rà lủng củng, gây khó hiểu hoặc hiểu lầm/hiểu sai cho người đọc ...”(林克难, 2001). Ưu điểm của lối “dịch quy phạm” này là tính khả đoán (dễ đoán biết), tính xác định và tính khả lặp (có thể lặp đi lặp lại). Theo truyền thống, cũng giống như ngữ pháp quy phạm, dịch thuật quy phạm là cách tiếp cận chiếm ưu thế. Mô hình ngôn ngữ của lối tiếp cận lý luận dịch thuật này là đường hướng nghiên cứu mang tính quy định hay quy phạm hóa. Theo đó, các giáo trình dịch truyền

thống cũng áp dụng lý thuyết dịch theo hướng này. Và như chúng ta đều biết, bộ ba tiêu chuẩn “TÍN - ĐẠT - NHÃ” của học giả Nghiêm Phục chính là đại diện không thể xuất sắc hơn của xu hướng này.

Ở chiều ngược lại với dịch thuật quy phạm là dịch thuật miêu tả. Đường hướng lý luận này nghiên cứu dịch thuật từ góc độ vĩ mô, lấy ngôn ngữ dịch hay ngôn ngữ đích làm trung tâm và kết quả dịch làm đối tượng nghiên cứu, không quy định chuẩn mực dịch cụ thể mà xuất phát từ sự thật khách quan, thực hiện mô tả khách quan và nghiên cứu trường hợp (case study) trong dịch thuật. Theo đó, dựa trên 3 đường hướng nghiên cứu bao gồm “nghiên cứu định hướng sản phẩm”, “nghiên cứu định hướng quá trình” và “nghiên cứu định hướng chức năng” (Toury, 2001), đi tìm và tái tạo các quyết định và lựa chọn khác nhau của người dịch trong quá trình dịch, để từ đó khám phá ra hàng loạt các yếu tố và quy luật khách quan (thay vì quy định chủ quan) chi phối công việc dịch thuật trong một hệ thống/môi trường văn hóa nhất định ở một thời kỳ nhất định. Nó không giới hạn phạm vi nghiên cứu đối với văn bản nguồn theo kiểu “dịch thuật quy phạm”, mà thoát ra khỏi ngôn ngữ nguồn và văn bản gốc để nghiên cứu dịch thuật trong chính thời đại của nó, tức đặt nó trong bối cảnh chính trị, tư tưởng/ý thức hệ, kinh tế và văn hóa ... (Tymoczko, 1999). Dịch thuật miêu tả không còn coi tiêu chuẩn “trung thành” (TÍN) như một kim chỉ nam, mà đề xuất đa dạng hóa các tiêu chuẩn dịch thuật. Đồng thời, dịch thuật miêu tả còn có năng lực giải thích rất nhiều các hiện tượng dịch thuật mà lý thuyết dịch truyền thống tỏ ra bất lực, giúp mở rộng tầm nhìn lý luận cho nghiên cứu dịch thuật. Trên tinh thần đó, giáo trình dịch hiện đại cũng đã kế thừa khá nhiều kết quả nghiên cứu của dịch thuật miêu tả. Trong đó, cuốn giáo trình của Tôn Chí Lễ như đã đề cập ở phần trên là một ví dụ điển hình.

3.5. Môi quan hệ giữa dạy và học

Mối quan hệ giữa dạy và học chính là “tính sư phạm” của giáo trình. Dạy và học là hai hoạt động nằm trong một thể thống nhất hữu cơ. Đáng

tiếc, điều này vẫn chưa được thể hiện rõ trong quá trình biên soạn giáo trình dịch trước đây. Nhiều giáo trình vẫn còn thiếu tính sư phạm và không thực sự tiện lợi cho mục đích giảng dạy. Chủ yếu thể hiện trên các mặt: *Thứ nhất*, chưa xác định mục tiêu, đề xuất phương pháp giảng dạy và chiến lược học tập một cách rõ ràng. *Thứ hai*, một số giáo trình tỏ ra giống sách chuyên khảo hơn và ít mang những đặc điểm mà giáo trình phải có, đó là không đạt được bộ ba yếu tố: lý thuyết, kỹ năng và thực luyện. Nguyên nhân chủ yếu là do người biên soạn chưa thực sự đầu tư nghiên cứu, nắm bắt về tính sư phạm trong dạy học dịch thuật hoặc hiểu khá mơ hồ về tính sư phạm, chạy theo hàm lượng kiến thức và tính thực dụng một cách phiến diện mà bỏ qua tính sư phạm hay tính chất đặc thù của hoạt động giảng dạy.

Tính sư phạm là thuộc tính cơ bản và cũng là linh hồn của giáo trình và tài liệu dạy học. Nó là thuộc tính tổng hợp phản ánh mục đích dạy học, quy luật dạy học và giá trị dạy học. Tính sư phạm có quan hệ mật thiết với các thuộc tính khác của giáo trình, nhưng đồng thời nó cũng mang tính khu biệt khá nghiêm ngặt. Tính sư phạm quy định và chi phối các đặc tính khác của giáo trình trong quá trình biên soạn. Điều này là do giáo trình không chỉ đảm nhận nhiệm vụ “dạy cái gì”, mà còn có chức năng định hướng “dạy và học như thế nào”.

Một cuốn giáo trình có tính phù hợp và ứng dụng cao không chỉ phản ánh vai trò của người dạy mà còn đáp ứng và thúc đẩy quá trình phát triển tâm lý của người học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập (李康/Lý Khang, 1996). Nguyên tắc chung của việc biên soạn giáo trình là: giáo viên dễ dạy, học sinh dễ học. Như lời học giả 张志公 (Trương Chí Công) từng nói: “Điều kiện tiên quyết của một cuốn giáo trình là nó phải dễ sử dụng đối với giáo viên và dễ tiếp thu đối với học sinh. Giáo trình dù được biên soạn công phu đến mấy, lý luận giảng giải sâu sắc đến mấy mà học sinh không tiếp thu được thì cũng vô dụng, giáo viên mà không dễ sử dụng thì cũng không đạt được mục đích hoặc không hoàn thành nhiệm vụ của mình.” (张志公,

1996). Nhà tâm lý học giáo dục đương đại nổi tiếng của Mỹ David Ausubel khi đưa ra lý thuyết học tập có ý nghĩa đã nhấn mạnh hai điều kiện tiên quyết của việc học tập có ý nghĩa: một là, người học có một cấu trúc tri nhận thích hợp để đồng hóa các tài liệu học tập; hai là, người học phải có “tâm hướng” đối với việc học tập có ý nghĩa (卢家媚/ Lữ Gia Mị, 1993).

Điều kiện tiên quyết thứ nhất là khả năng tiếp thu tài liệu dạy học của người học, tức người học có thể nắm vững các nội dung trong giáo trình hay không, đây chính là yếu tố tri nhận/nhận thức trong dạy học. Điều kiện tiên quyết thứ hai là tài liệu dạy học có khiến cho người học vui vẻ tiếp thu nó hay không, tức người học có sẵn lòng nắm vững các nội dung liên quan hay không, điều này thuộc về phạm trù cảm xúc trong dạy học. Do đó, dựa trên đặc điểm của tính sư phạm, việc biên soạn giáo trình dịch cần chú trọng các khía cạnh sau:

Thứ nhất là tính dễ học. Tính dễ học được thể hiện ở chỗ giáo trình phải cung cấp nhiều phương pháp và chiến lược học tập khác nhau để người học có thể lựa chọn theo điều kiện của từng cá nhân, giúp họ dần dần hình thành phong cách và chiến lược học tập của riêng mình. Một cuốn giáo trình dịch tốt phải khuyến khích được người học hình thành phương pháp và phong cách học tập của riêng họ, để từ đó thúc đẩy quá trình học tập. Các phương pháp học mà giáo trình dịch có thể cung cấp bao gồm: phương pháp thực hành (làm nhiều bài tập), phương pháp so sánh (so sánh ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, so sánh nhiều bản dịch khác nhau), phương pháp bình phẩm hoặc đánh giá (áp dụng các lý thuyết ngôn ngữ học và lý thuyết dịch thuật để đánh giá tính đúng - sai của bản dịch từ nhiều góc độ). Để áp dụng các phương pháp học tập này, giáo trình cần thể hiện nội dung học tập dưới nhiều hình thức khác nhau. Đồng thời, trong quá trình lựa chọn các ví dụ, biên soạn kiến thức, luyện tập kỹ năng và thiết kế bài tập, hoạt động cũng như các dự án thực tế ... đều cần phải chú trọng việc giúp học sinh phát triển và hình thành phương pháp học tập và thói quen học tập tích cực, hợp tác, ham học hỏi, nhằm đạt

được sự thống nhất hoàn hảo trên ba phương diện: kiến thức, hứng thú và phát triển. Sau mỗi chương, liệt kê các tài liệu tham khảo hoặc đường link đọc thêm có liên quan đến nội dung của chương để học sinh tiện đọc tham khảo ngoài giờ lên lớp.

Thứ hai là tính dễ dạy. Một bộ giáo trình hoàn chỉnh cần phải bao gồm cả tài liệu tham khảo, tài liệu nghe-nhìn và tài liệu bổ trợ. Tài liệu tham khảo có thể cung cấp kiến thức bối cảnh cho giáo trình chính và giúp giáo viên hiểu sâu hơn về giáo trình được sử dụng, đồng thời cho giáo viên biết cách xử lý đối với từng cấu phần của giáo trình và cách thực hiện các bài tập đa dạng, giúp giáo viên tiết kiệm được nhiều thời gian soạn bài và tự tin bước vào lớp học. Còn các tài liệu bổ trợ như sách bài tập, tập đề trắc nghiệm, sách tham khảo ... không những giúp người học kiểm tra và củng cố kiến thức đã học, mà còn tích cực dẫn dắt họ phát triển cả chiều rộng và bề sâu “vốn ngôn ngữ” của bản thân (周雪林/Chu Tuyết Lâm, 1996).

4. KẾT LUẬN

Chức năng chính của giáo trình dịch là trau dồi kỹ năng dịch. Nhất là giáo trình dịch nhập môn, càng cần phải giúp cho học sinh có cái nhìn đúng đắn về dịch thuật, hiểu được bản chất của dịch thuật, nhận thức được giá trị và vai trò của dịch thuật, hiểu được cơ chế, quy luật của dịch thuật. Dịch thuật là hoạt động giao tiếp liên văn hóa. Ở chiều ngược lại, văn hóa và văn minh của nhân loại ngày càng trở nên phong phú và nhiều màu sắc hơn nhờ giao lưu và dịch thuật. Đây cũng chính là lý do quan trọng khiến dịch thuật trở thành một “hoạt động giao tiếp đa văn hóa”. Do đó, giáo trình dịch cần phải lồng ghép và truyền tải được quan niệm dịch thuật đúng đắn, thể hiện ở việc hiểu đúng định nghĩa dịch thuật, quy trình dịch thuật, chuẩn mực dịch thuật, giá trị của dịch thuật (giá trị xã hội, giá trị văn hóa, giá trị ngôn ngữ, giá trị sáng tạo và giá trị lịch sử). Điều này giúp cho người học, thông qua trải nghiệm thực hành và cảm nhận lý thuyết, có một cái nhìn/quan niệm toàn diện hơn về dịch thuật và thực sự nắm bắt được tinh thần và giá trị của dịch thuật./.

Tài liệu tham khảo:**Tiếng Anh**

Carmen Millán & Francesca Bartrina. (2013). *The Routledge Handbook of Translation Studies*. London & New York: Routledge.

Martha, T. (2005). *Training for the New Millennium: Pedagogies for Translation and Interpreting*. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company.

Newmark, P. (1988). *A Textbook of Translation*. London: Prentice Hall International (UK) Ltd.

Toury, G. (2012). *Descriptive Translation Studies and Beyond*. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company.

Venuti, C. (1992). *Rethinking Translation*. London & New York: Routledge.

Tiếng Trung Quốc

陈宏薇. (2003). 汉英翻译基础. 上海: 上海外语教育出版社.

黄忠廉. (2004). 论全译的中枢单位. 外语学刊, (3), 18-30.

李康. (1996). 论电教教材的教学性. 中国电化教育, (8), 20-28.

林克难. (1996). 翻译理论教育纵横谈. 全国首届翻译教学研究会交流论文.

林克难. (2001). 翻译研究: 从规范走向描写. 中国翻译, (6), 17-26.

林向阳. (2008). 普通高校体育教材设计与编写的理论探索. 北京: 北京体育大学出版社.

卢家媚. (1993). 情感教学心理学. 上海: 上海教育出版社.

孙致礼. (2003). 新编英汉翻译教程. 上海: 上海外语教育出版社.

王宏印. (2009). 英汉翻译综合教程. 大连: 辽宁师范大学出版社.

杨莉黎. (2008). 英汉互译教程. 郑州: 河南大学出版社.

杨自俭. (2006). 关于翻译教学的几个问题. 上海翻译, (3), 41-52.

张志公. (1996). 语文教材的编写与使用——在北京顺义县语文教师培训会上的讲话. 中学语文教学, (2), 26-37.

周雪林. (1996). 浅谈外语教材评估标准. 外语界, (2), 60-72.

SOME THEORETICAL IMPLICATIONS LEARNED FROM TRANSLATION TEXTBOOK COMPILATION PRACTICES IN CHINA

TRAN DUC THANG, QUACH VAN DAU

Abstract: Based on a survey of some translation textbooks and the current situation of compiling translation textbooks in China, the article draws out some theoretical implications and recommendations for the compilation of translation textbooks, which include the following five relationships: The relationship between theory and practice; the relationship between general/common translation textbooks and specialized translation textbooks; the relationship between translation examples and context; the relationship between normative translation and descriptive translation; the relationship between (translation) Teaching and Learning.

Keywords: *translation textbooks, compilation, theoretical turn, relationships*

Received: 24/6/2024; Revised: 31/7/2024; Accepted: 25/9/2024